

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
Tỉnh Hậu Giang**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-09- 2017
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Cho
2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân-Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. N đơn: Nguyễn Thanh N

Địa chỉ: Ấp XC, xã TX, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

2. Bị đơn: Phạm Văn P

Địa chỉ: Ấp XC, xã TX, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, N đơn Nguyễn Thanh N trình bày: Bà và ông Phạm Văn P tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2000. Trong quá trình chung sống, ông P thường xuyên nhậu nhẹt, chửi mắng và đánh đập bà, bà đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông P không thay đổi. Trước đây do con còn nhỏ, bà thương con nên chịu đựng, nay các con đã lớn, ông P vẫn không sửa chữa nên bà xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 03 con chung là Phạm Văn Q1 (nam), sinh ngày 01 tháng 11 năm 1995, Phạm Nhật Q (nam), sinh ngày 09 tháng 3 năm 1998 và Phạm Thị Y (nữ) sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010. Hai cháu Q1 và Q đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, cháu Y hiện đang sống cùng bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Y, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Phạm Văn P trình bày: Ông và bà N là vợ chồng hợp pháp, vợ chồng chung sống đôi khi có cự cãi nhưng không có mâu thuẫn lớn, ông cũng có nhậu nhẹt, có lần nắm đầu vợ nhưng chưa đánh, ông vẫn lo làm ăn. Ông xác định vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông P khai thống nhất với bà N có 03 con chung. Hai cháu Q1 và Q đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết, cháu Y hiện đang sống cùng bà N, nếu Tòa án giải quyết cho bà N ly hôn với ông thì ông yêu cầu được nuôi cháu Y, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P cũng xác định không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và hướng giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định. N đơn chấp hành tốt pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không đến dự phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định của pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình, nuôi con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về hôn nhân của ông P, bà N là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên do tình cảm vợ chồng đã có những mâu thuẫn phát sinh không hàn gắn được nên bà N xin ly hôn với ông P là có căn cứ;

Về con chung, bà N và ông P có 03 con chung là Phạm Văn Q1 (nam), sinh ngày 01 tháng 11 năm 1995, Phạm Nhật Q (nam), sinh ngày 09 tháng 3 năm 1998 và Phạm Thị Y (nữ) sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010. Hai cháu Q1 và Q đã trưởng thành nên không giải quyết, cháu Y hiện đang sống cùng bà N, sau khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi cháu Y, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Để ổn định cuộc sống cho cháu Y và đáp ứng nguyện vọng của cháu Y muốn sống chung với mẹ nên giao cháu Y cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp;

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông P, giao cho bà N được nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Y, ông P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí buộc bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về Thẩm quyền: Bà Nguyễn Thanh N và ông Phạm Văn P là vợ chồng hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bà P nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, xét đây là vụ án Tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tham dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 228 xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh N và ông Phạm Văn P tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà N cho rằng ông P thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập, chửi mắng bà, dù bà đã khuyên giải nhưng ông P không thay đổi. Ông P xác định vẫn lo làm ăn, ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Mặc dù Tòa án đã hòa giải, phân tích hậu quả của việc ly hôn để bà N suy nghĩ, hàn gắn với ông P nhưng bà N vẫn cương quyết ly hôn. Vì vậy, xét thấy nếu tiếp tục chung sống thì đời sống vợ chồng của bà N và ông P cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[4] Về con chung: Bà N và ông P khai thống nhất có 03 con chung là Phạm Văn Q1 (nam), sinh ngày 01 tháng 11 năm 1995, Phạm Nhật Q (nam), sinh ngày 09 tháng 3 năm 1998 và Phạm Thị Y (nữ) sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010. Hai cháu Q1 và Q đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, đối với cháu Y ông P và bà N đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Y hiện đang sống cùng bà N, cháu lại là nữ, nên giao cháu Y cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N. Bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a, khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thanh N được ly hôn với ông Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Y (nữ) sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010 cho bà Nguyễn Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung cho ông Phạm Văn P không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011058 ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Bà N đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Dương sự;
- UBND xã TX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mạc Thị Chiên